

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 22/2018/DS-ST.

Ngày: 24- 10- 2018.

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Luyên.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mai.

Ông Y Nick Êban.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Tại - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2017/TLST - DS, ngày 01 tháng 02 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST - DS, ngày 12/9/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2018/QĐST-DS, ngày 02/10/2018 và thông báo chuyển lịch phiên tòa số 179/2018/TB - TA ngày 18/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị C (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn 6, xã X, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Bà Ngô Thị L (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khối 7, thị trấn EK, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Ngọc T (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khối 7, thị trấn EK, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk.

Người làm chứng:

1/ Ông Nguyễn Văn C (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 6, xã X, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk.

2/ Ông Nguyễn Đình L (vắng mặt); ông Trần Văn T (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khối 7, thị trấn EK, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk.

3/ Ông Phạm Văn H (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 2, xã X, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 26/01/2018, trong quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị C trình bày:

Do là hàng xóm láng giềng nên ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị C có cho bà Ngô Thị L vay 02 lần tiền cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 21/12/2015 bà Trần Thị C có cho bà Ngô Thị L vay số tiền 40.000.000 đồng, khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất, hẹn đến ngày 20/3/2016 trả

số nợ trên. Chữ viết trong giấy vay ngày 21/12/2015 là chữ viết của bà L. Đến thời hạn trả nợ bà L không trả được nợ nên ngày 23/01/2017 các bên tính tiền lãi của số tiền này, tính tiền gốc và tiền lãi thành 55.000.000đồng, bà L tự viết giấy nhận nợ số tiền này và có ông Phạm Văn H làm chứng. Tuy nhiên, sau khi viết giấy nhận nợ ngày 23/01/2017 đến nay bà L vẫn chưa trả tiền cho ông H, bà C. Ông H, bà C khởi kiện ra Tòa án yêu cầu yêu cầu bà L, ông T phải trả số tiền 40.000.000 đồng đã vay ngày 21/12/2015 và không yêu cầu tính lãi số tiền trên. Đối với giấy nhận nợ ngày 23/01/2017 ông H, bà C không yêu cầu bởi lẽ đây là số tiền gồm 40.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi của số tiền này.

Lần thứ hai: Ngày 12/5/2017 vợ chồng ông H, bà C có cho bà Ngô Thị L vay số tiền 59.000.000đồng, thời hạn vay là 30 ngày, bà L có nói vay số tiền này để đáo hạn ngân hàng, lấy bìa đỏ trong ngân hàng ra để bán đất, khi vay tiền ông H là người trực tiếp đưa tiền cho bà L, sau khi nhận tiền ngày 12/5/2017 bà L ký vào giấy, ngày hôm sau ông T sang nhà ông H thì ông H có nói việc bà L vay tiền cho ông T biết và ông T đồng ý ký vào giấy vay tiền. Ngày 18/6/2017, bà L sang nhà ông H hỏi chuyện mua bán bộ cửa gỗ, vì bà L chưa trả cho gia đình ông H, bà C số tiền 59.000.000 đồng, nên ông H có hỏi bà L, thì bà L khất và hẹn đến ngày 30/6/2017 sẽ trả số tiền vay 59.000.000 đồng cho vợ chồng ông H, việc bà L khất nợ có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn C và ông Trần Văn T, vì vậy ông H có nhờ hai ông ký vào giấy vay làm chứng cho việc khất nợ của bà L. Mặc dù đến hạn trả nợ ông H, bà C đã nhiều lần đòi nợ nhưng bà L, ông T không trả số tiền đã vay. Do đó, ông H, bà C khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Ea Kar yêu cầu bà L, ông T phải có trách nhiệm trả số tiền đã vay với tổng 02 lần vay là 99.000.000đồng và không yêu cầu tính tiền lãi số tiền trên. Ngoài ra ông H, bà C không cho bà L vay thêm bất cứ khoản tiền nào khác.

* Trong quá trình làm việc tại Tòa án bị đơn bà Ngô Thị L trình bày: Đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L có ý kiến như sau: Thứ nhất về việc vay số tiền 40.000.000đồng ngày 21/12/2015 số tiền này thực tế là bà L vay của bà C từ năm 2014 nhưng không lập giấy tờ, đến cuối năm 2015 thì bà L có nói bà C là hai bên viết giấy vay tiền chứ để sau này khởi cãi nhau. Sau đó bà C viết giấy vay nội dung đúng như giấy vay tiền ngày 21/12/2015 ông H, bà C đã cung cấp cho Tòa án, chữ ký, chữ viết tại phần người nhận tiền là đúng của bà L ký và viết. Khi đến hạn trả nợ do không trả được nợ nên ngày 23/01/2017 bà L và bà C, ông H tính lãi số tiền vay trên là 21.000.000đồng tiền lãi nhưng bà L xin tiền lãi nên hai vợ chồng ông H, bà C đồng ý bớt tiền lãi và chỉ tính 15.000.000đồng tiền lãi. Khi đó hai bên đi đến thống nhất viết giấy vay tiền với số tiền là 55.000.000đồng, bà L là người viết giấy và ký tên chỗ người vay tiền. Giấy vay tiền ngày 23/01/2017 này có chữ ký xác nhận của ông Phạm Văn H Công an xã X là người làm chứng. Hai bên lập xong giấy vay tiền ngày 23/01/2017 thì bà L có nói ông H, bà C về hủy giấy vay tiền đã viết ngày 21/12/2015 đi thì ông H nói là “*Giấy vay ông H bỏ trong két sắt ở nhà, tối về sẽ xé đi cô yên tâm*”. Tại Tòa án ông H, bà C cung cấp giấy vay tiền ngày 21/12/2015, tại phần bên dưới góc trái có ghi nội dung “*Hôm nay ngày 21/3/2017 âm lịch, tôi hẹn cuối tháng tôi sẽ trả số tiền trên đủ và ký tên Ngô Thị L*” đúng là chữ ký chữ viết do bà L ký và viết nhưng bản thân bà L khẳng định bị ông H, bà C lừa bà L viết vào nội dung giấy này, vì trên thực tế giấy vay gốc số tiền 40.000.000đồng, bà L đã yêu cầu ông H xé đi khi hai bên viết giấy vay ngày 23/01/2017

có ông Phạm Văn H làm chứng. Bà L cho rằng còn có 01 giấy vay tiền số tiền là 55.000.000đồng có sự chứng kiến của ông Nguyễn Đình L được viết bằng mực xanh do tự tay bà L viết tại nhà bà L và 01 giấy mua cửa gỗ với giá 80.000.000đồng có sự làm chứng của ông T và ông C. Do đó, số tiền ông H, bà C yêu cầu trả số tiền vay 40.000.000đồng ngày 21/12/2015 bà L không đồng ý.

Thứ hai: Đối với yêu cầu trả số tiền vay là 59.000.000đồng của ông H, bà C. Bà L đồng ý có vay số tiền này, nguồn gốc số tiền này là bà L vay số tiền 40.000.000đồng đã viết giấy ngày 21/12/2015, sau đó không trả được thì có viết lại giấy vay tiền ngày 23/01/2017 tính lại gốc và lãi là 55.000.000đồng. Do không có tiền trả nợ nên đến ngày 12/5/2017 các bên thống nhất tính lại tiền lãi số tiền vay 40.000.000đồng, cả gốc và lãi thành 59.000.000đồng nên hai bên thỏa thuận viết lại giấy giao tiền và nhận tiền ngày 12/5/2017 với số tiền vay là 59.000.000đồng, lúc đó có ông T, ông C đang ngồi nhà ông H chơi nên các bên nói ông T, ông C ký vào người làm chứng nên hai ông đồng ý ký tên. Ngày hôm sau ông Huỳnh Ngọc T sang nhà ông H ký vào giấy vay tiền này. Đến hạn trả nợ bà L không có tiền trả nên tự tay viết hện nợ lại với nội dung như trong giấy vay tiền mà ông H, bà C cung cấp cho Tòa án, việc vay tiền của ông H, bà C về để giải quyết công việc gia đình. Do đó, bà L đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H, bà C về số tiền 59.000.000đồng này. Ngoài ra bà L không có ý kiến trình bày gì thêm.

* Trong quá trình làm việc tại Tòa án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc T trình bày: Việc vay mượn tiền giữa bà L và gia đình ông H, bà C như thế nào ông T không được biết. Bản thân ông T khi ký vào giấy tờ vay tiền vì thấy có chữ ký của bà L nên ông T ký vào giấy vay tiền nên ông T không có trách nhiệm phải trả. Ngoài ra, ông T không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

* Người làm chứng ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Đình L, ông Trần Văn T, ông Phạm Văn H trình bày tại Tòa án như sau: Việc ông H, bà C và bà L, ông T vay tiền như thế nào bản thân những người làm chứng không biết, do khi các bên khất nợ với nhau họ có mặt ở đó thì các bên có nhờ ông C, ông L, ông T và ông H ký vào là người làm chứng việc các bên khất nợ, bản thân họ không chứng kiến việc vay tiền nên họ không có ý kiến gì về việc vay tiền mà ông H, bà C khởi kiện bà L, ông T.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự và triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Ngày 02/10/2018 Tòa án nhân dân huyện Ea Kar mở phiên tòa để xét xử vụ án nhưng ông Huỳnh Ngọc T và những người làm chứng ông C, ông L, ông T và ông H đều vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1, Điều 227; Khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 ra quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bà Ngô Thị L và ông Huỳnh Ngọc T phải có trách nhiệm trả số tiền đã vay là 99.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi số tiền trên. Bị đơn bà Ngô Thị L; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; người làm chứng chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 73 và Điều 78 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn giải quyết vụ án chưa đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Vào ngày 21/12/2015 bà Ngô Thị L vay của bà Trần Thị C, ông Nguyễn Văn H số tiền 40.000.000đồng, sau đó đến ngày 21/3/2017 (âm lịch) bà L ghi vào giấy vay tiền này với nội dung: Cam kết trả nợ vào cuối tháng. Ngày 12/5/2017, bà L và ông Huỳnh Ngọc T tiếp tục vay của bà C, ông H số tiền 59.000.000đồng, hai lần vay trên các bên đều không thỏa thuận lãi suất. Đối với khoản vay 59.000.000đồng bà L cho rằng đây là số nợ gốc 40.000.000đồng vay vào ngày 21/12/2015 và tiền lãi phát sinh, tuy nhiên bà L không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho việc này. Do bà L vay số tiền 40.000.000đồng của bà C và tại phiên tòa bà C không biết việc bà L vay số tiền này để làm gì, đồng thời bà L không sử dụng số tiền vay 40.000.000đồng vào mục đích phục vụ sinh hoạt cho gia đình, khi vay ông T không biết nên bà L phải có trách nhiệm trả cho ông H, bà C số tiền 40.000.000đồng. Đối với số tiền 59.000.000đồng bà L thừa nhận có vay và giấy vay số tiền này ông T có ký vào bên người vay nên bà L, ông T phải có trách nhiệm trả cho ông H, bà C số tiền đã vay là 59.000.000đồng. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị C. Buộc bà Ngô Thị L phải có trách nhiệm trả cho ông H, bà C số tiền đã vay là 40.000.000đồng; buộc bà Ngô Thị L và ông Huỳnh Ngọc T phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông H, bà C số tiền là 59.000.000đồng. Về tiền lãi: ông H, bà C không yêu cầu nên không đề cập đến để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Tại phiên tòa bị đơn bà Ngô Thị L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc T; người làm chứng ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Đình L, ông Trần Văn T, ông Phạm Văn H vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Ngô Thị L, ông Huỳnh Ngọc T và những người làm chứng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà L, ông T và ông C, ông L, ông T, ông H nhưng bà L, ông T và những người làm chứng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 và Khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng là phù hợp.

[2] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp:** Đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị C đề ngày 26/01/2018, Tòa án nhân dân huyện EaKar xác định quan hệ

pháp luật là “*Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện EaKar thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] **Xét nội dung khởi kiện:** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị C yêu cầu bà Ngô Thị L và ông Huỳnh Ngọc T phải trả số tiền đã vay 02 lần là 99.000.000đồng là hoàn toàn có cơ sở pháp lý, bởi lẽ:

Đối với số tiền vay 59.000.000đồng tại bản tự khai và biên bản đối chất, biên bản hòa giải tại Tòa án bà L đều thừa nhận bà L và ông T có vay của ông H, bà C số tiền 59.000.000 đồng là đúng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định việc bà L, ông T còn nợ số tiền 59.000.000đồng là có thật. Việc giao kết hợp đồng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, bà L, ông T phải có trách nhiệm trả cho ông H, bà C số tiền này.

Đối với số tiền vay 40.000.000 đồng mà ông H, bà C yêu cầu bà L, ông T phải trả. Hội đồng xét xử nhận định: Bà L cho rằng số tiền 40.000.000đồng này là số tiền đã được các bên tính tiền lãi sau đó viết thành giấy vay 59.000.000đồng trong đó đã có 40.000.000đồng tiền gốc và 19.000.000đồng tiền lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án bà L đều thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền ngày 21/12/2015 tại phần bên nhận tiền là do bà L ký và viết, theo nội dung giấy vay tiền này thì các bên có thỏa thuận thời hạn vay nhưng không thỏa thuận lãi suất vay. Bên cạnh đó bà L cho rằng số tiền vay 40.000.000đồng này các bên đã tính tiền lãi và tiền gốc thành số tiền 55.000.000đồng tại giấy nhận nợ ngày 23/01/2017 và có yêu cầu ông H, bà L hủy giấy vay 40.000.000đồng nhưng sau đó đến ngày 21/3/2017 âm lịch bản thân bà L lại viết hẹn đến cuối tháng trả hết số nợ trên, việc viết nội dung khát nợ này của bà L có người làm chứng là ông Nguyễn Đình L. Từ đó có thể khẳng định việc bà L có vay của ông H, bà C số tiền 40.000.000 đồng là có căn cứ. Việc giao kết hợp đồng giữa các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng là phù hợp theo quy định của pháp luật. Bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1, Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 quy định “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Đối với số tiền vay 40.000.000đồng bà L là người ký nhận nợ đồng thời bà L cũng không sử dụng số tiền vay này vào mục đích sinh hoạt cho gia đình. Ngoài ra, tại phiên tòa ông H, bà C trình bày ông H, bà C cho bà L vay tiền không biết bà L sử dụng vào mục đích gì, ông T không biết việc vay tiền này nên không có căn cứ buộc ông T phải có trách nhiệm trả số tiền này.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 470 Bộ luật dân sự, buộc bà Ngô Thị L và ông Huỳnh Ngọc T phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị C số tiền 59.000.000đồng tiền vay gốc; buộc bà Ngô Thị L phải có trách nhiệm trả cho ông H, bà C số tiền 40.000.000đồng tiền vay gốc là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] **Về lãi suất:** Ông H, bà C không yêu cầu bà L, ông T phải trả tiền lãi phát sinh trên khoản nợ gốc nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] **Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà C, ông H được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 195, Điều 203; Khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228; Khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463; Điều 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị C.

Buộc bà Ngô Thị L và ông Huỳnh Ngọc T phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị C số tiền đã vay là 59.000.000đồng (Năm mươi chín triệu đồng).

Buộc bà Ngô Thị L phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị C số tiền đã vay là 40.000.000đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị C không yêu cầu tính tiền lãi số tiền trên nên không đề cập giải quyết.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với số tiền chậm trả, kể từ khi có đơn yêu cầu của người được thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Ngô Thị L và ông Huỳnh Ngọc T phải chịu **2.950.000đồng** (Hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo mức tính: $(59.000.000đ \times 5\% = 2.950.000đ)$.

Bà Ngô Thị L phải chịu 2.000.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo mức tính $(40.000.000đ \times 5\% = 2.000.000đ)$.

Hoàn trả cho ông H, bà C số tiền 2.843.000đồng tiền tạm ứng án phí mà bà ông H, bà C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0003282 ngày 01/02/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

“ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự. ”

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện Ea Kar;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Luyện

